

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: **51/2020/HC-ST**
Ngày: 12/8/2020
V/v yêu cầu hủy GCNQSD đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Văn;

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Anh Thọ;

Ông Nguyễn Trọng Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Phương Lý- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 135/2019/TLST-HC ngày 13/12/2019, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Văn G, sinh năm 1948 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện H, Thanh Hóa;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Sỹ N – Chủ tịch UBND huyện H (vắng mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Bà Lê Thị B, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Phường Đ, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh hóa.

3.3. Ông Lê Văn H, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố , phường P A, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh.

3.4. Bà Lê Thị L, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị B, ông Lê Văn H, bà Lê Thị L:
Ông Lê Văn G (người khởi kiện);

3.5. Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Đình V – Chủ tịch UBND xã T (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2019 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Lê Văn G trình bày:

Bố mẹ ông là các cụ Lê Văn K chết ngày 03/5/1992, cụ Trương Thị T chết ngày 03/11/1994, có để lại diện tích đất 612m² tại Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Các cụ Lê Văn K và Trương Thị T có 5 người con, chết 1 còn 4 gồm ông Lê Văn G là con trai cả, bà Lê Thị B, ông Lê Văn T (đã chết – có vợ là bà Lê Thị N), ông Lê Văn H, bà Lê Thị L. Bố mẹ ông G không để lại di chúc về thừa kế đối với diện đất nói trên. Mặc dù các anh em ông G chưa có thỏa thuận về việc chia thừa kế đất của bố mẹ để lại, nhưng bà Lê Thị N đã đề nghị và được Ủy ban nhân dân huyện H tách thửa giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số AG 196882 ngày 17/11/2006 tại thửa 196, tờ bản đồ số 02, thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 402m².

Ngày 02/10/2018, khi bà N tiến hành làm nhà, ông G mới biết bà N được cấp GCNQSDĐ, đã gửi đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã T giải quyết.

Vào các ngày 11/6/2019, ngày 05/7/2019, Ủy ban nhân dân xã T đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ việc. Qua các buổi hòa giải, bà N thừa nhận đất có nguồn gốc của các cụ Lê Văn K và Trương Thị T để lại, bà N đã được cấp GCNQSDĐ, không chấp nhận giải quyết lại. Đại diện Ủy ban nhân dân xã và cán bộ địa chính xã thừa nhận có sai sót trong việc làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ cho bà N.

Ông Gia cho rằng việc Ủy ban nhân dân huyện H giao đất và cấp GCNQSDĐ cho bà N là sai, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và những người được hưởng thừa kế. Vì vậy, ông G khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy GCNQSDĐ số AG 196882 ngày 17/11/2006 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà N.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện H không có báo cáo hoặc tự khai theo Thông báo thụ lý vụ án cũng như yêu cầu của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà N và Ủy ban nhân dân xã T không có báo cáo hoặc tự khai theo Thông báo thụ lý vụ án cũng như yêu cầu của Tòa án.

Do người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia đối thoại theo thông báo nên vụ án không tiến hành đối thoại được.

Ông Lê Văn G có đơn đề nghị không tiến hành đối thoại.

Theo kết quả thẩm định ngày 14/5/2020: Diện tích đất bà Lê Thị N được giao theo GCNQSDĐ số AG 196882 ngày 17/11/2006 tại thửa 196, tờ bản đồ số 02, thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa có diện tích 592m², trong đó đất ở 292m², đất vườn 300m²; phía Nam 21,7m giáp ngõ đi; phía Bắc 20,6m giáp đất ông

Lê Văn H; phía Đông 23,7m giáp đất nhà thờ của gia đình; phía Tây 21,5m giáp đường của xã. Trên đất có: 1 nhà 2 tầng mái bê tông, 1 nhà xây lợp tôn, 1 nhà xây lợp ngói, 1 bếp xây lợp ngói, tường rào xây gạch phía Tây và phía Nam.

Tại phiên tòa, ông G không thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức đối thoại, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến tại phiên tòa sơ thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Các cụ Lê Văn K và Trương Thị T sau khi chết để lại 612 m² đất. Các con của cụ K và cụ T chưa thỏa thuận chia thừa kế đất, nhưng bà N đã đề nghị tách thửa và được cấp GCNQSDĐ 402m² đất trong diện tích đất của cụ K và cụ T. Ông Lê Văn G yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ do UBND huyện H cấp cho bà N là có căn cứ. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn G về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 196882 ngày 17/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà Lê Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ủy ban nhân dân huyện H, Ủy ban nhân dân xã T, bà Lê Thị N đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 157 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về đối tượng khởi kiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 196882 ngày 17/11/2 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà N là quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai, liên quan đến quyền lợi của các đương sự đang có tranh chấp, là đối tượng của vụ kiện hành chính. Do đó, vụ án được TAND tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết theo khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Ông G không phải là người được giao GCNQSDĐ, khi bà N tiến hành xây dựng trên đất, ông G mới biết bà N được cấp GCNQSDĐ. Ngày 02/10/2018, ông G gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã T. Ủy ban nhân dân xã T đã tiến hành hòa giải vào các ngày 11/6/2019, ngày 05/7/2019. Ngày 20/11/2019 ông Lê Văn G nộp đơn khởi kiện là trong thời hạn một năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã hòa giải lần hai theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4]. Xem xét nguồn gốc thửa đất bà Lê Thị N đang sử dụng: Bà N thừa nhận thửa đất đang sử dụng là của bố mẹ chồng Lê Văn K và Trương Thị T để lại.

Theo sổ mục kê năm 1985 được Ủy ban nhân dân xã xác nhận, đất bà N đang sử dụng trước đây thuộc thửa 405, diện tích 612 m², do cụ Lê Văn K đứng tên. Do đó, có cơ sở khẳng định thửa đất bà N được giao số 196, tờ bản đồ số 02, thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 592 m² có nguồn gốc là đất của các cụ Lê Văn K và Trương Thị T để lại sau khi chết.

[5]. Xét yêu cầu của ông Lê Văn G về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Diện tích đất 612 m² nói trên của các cụ Lê Văn K và Trương Thị T để lại sau khi chết, không có di chúc về chia đất. Do đó, diện tích đất của các cụ Lê Văn K và Trương Thị T để lại là di sản thừa kế, được chia thừa kế theo pháp luật cho những người được hưởng thừa kế theo quy định tại Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, 614, 623, 649 Bộ luật dân sự năm 2015. Thời hiệu chia di sản thừa kế của các cụ Lê Văn K và Trương Thị T đang còn, những người được thừa kế là ông Lê Văn G, bà Lê Thị N, bà Lê Thị B, ông Lê Văn H, bà Lê Thị L chưa có văn bản thỏa thuận chia đất hoặc chuyển quyền sử dụng đất cho ai. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện H giao đất của cụ K, cụ T và cấp GCNQSDĐ cho bà N là vi phạm quy định của pháp luật và không hợp pháp, ảnh hưởng đến quyền lợi của những người được hưởng thừa kế. Vì vậy, yêu cầu của ông Lê Văn G về hủy GCNQSDĐ số AG 196882 ngày 17/11/2006 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà N là có cơ sở được chấp nhận.

[6]. Do yêu cầu khởi kiện của ông G được chấp nhận toàn bộ, Ủy ban nhân dân huyện H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lê Văn G, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 196882 ngày 17/11/2006 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà Lê Thị N.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 30, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Ủy ban nhân dân huyện H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt ông G, người đại diện của của bà B, ông H, bà L; vắng mặt đại diện UBND huyện H, đại diện UBND xã T, bà Lê Thị N; Đương sự có mặt được quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự

vắng mặt được quyền kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Quốc Văn